

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

HOÀNG SỸ KIM

**ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM TRƯỚC YÊU CẦU HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

Chuyên ngành : Quản lý kinh tế

Mã số : 62.34.01.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2007

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Nguyễn Văn Sáu
2. TS. Nguyễn Quang Hồng

Phản biện 1: PGS.TS Bùi Bá Bổng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Đình Long
Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển
Nông nghiệp Nông thôn

Phản biện 3: TS. Lê Văn Bầm
Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ Nông nghiệp
và Phát triển Nông thôn

**Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước,
họp tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hội trường
số 106B, nhà A14.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2007

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh**

NHỮNG CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hoàng Sỹ Kim (2002), "Bàn về chính sách tín dụng thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá", *Ngân hàng*, (8), tr. 43-45.
2. Hoàng Sỹ Kim (2003), "Một số ý kiến về quản lý nhà nước đối với nông nghiệp", *Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, (3), tr. 309-310.
3. Hoàng Sỹ Kim (2006), "Đầu tư vốn phát triển nông nghiệp, nông thôn theo xu hướng hội nhập quốc tế", *Kinh tế và dự báo*, (384), tr. 18-19.
4. Hoàng Sỹ Kim (2006), "Những hạn chế của ngành nông nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế", *Quản lý nhà nước*, (124), tr. 20-22, 31.
5. Hoàng Sỹ Kim (2006), "Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch phát triển nông nghiệp", *Quản lý nhà nước*, (129), tr. 13-16.
6. Hoàng Sỹ Kim (2007), "Vốn tín dụng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn", *Thị trường tài chính tiền tệ*, (7), tr. 29-30.
7. Hoàng Sỹ Kim (2007), "Thực trạng đói nghèo và giải pháp xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam", *Quản lý nhà nước*, (138), tr.18-21.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Sau 20 năm đổi mới, nông nghiệp Việt Nam đã thu được những thành tựu to lớn. Nhiều nhà nghiên cứu, tổ chức và quốc gia trên thế giới đã đánh giá cao những tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp Việt Nam - nhất là việc giải quyết vấn đề lương thực. Có nhiều nguyên nhân tạo nên những thắng lợi của nông nghiệp, trong đó, sự thay đổi cách thức quản lý nông nghiệp của nhà nước được đánh giá là nguyên nhân cơ bản. Tuy nhiên, nông nghiệp Việt Nam vẫn là ngành chậm phát triển. Năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của nông nghiệp còn thấp. Thực tiễn các nước có ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu kinh tế đã tham gia WTO cho thấy, việc tham gia vào nền kinh tế thế giới, các nước đang phát triển có nhiều cơ hội nhưng cũng đứng trước không ít thách thức. Khu vực nông nghiệp được đánh giá là khu vực nhạy cảm trong thương mại thế giới. Hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp có nghĩa là hàng nông sản Việt Nam có thể bán ở nhiều quốc gia trên thế giới với "luật chơi" chung, nhưng lãnh thổ Việt Nam cũng trở thành địa bàn, thành "chợ" để bán hàng nông sản của nhiều quốc gia và các nước thành viên. Trong đó, không ít nông sản cùng chủng loại với nông sản do Việt Nam sản xuất có nguồn gốc xuất phát từ những nước có trình độ phát triển nông nghiệp hàng hoá và tiềm lực ngân sách nhà nước lớn hơn Việt Nam rất nhiều.

Như vậy, vừa mới bước đầu chuyển sang sản xuất hàng hoá với chủ thể chính là 13,5 triệu hộ nông dân năng lực thấp, nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước những thách thức mới. Khắc phục những yếu kém, hạn chế của nông nghiệp không đơn giản, nhất là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, chắc chắn sẽ xuất hiện những vấn đề mới trong quản lý nhà nước đối với nông nghiệp.

Chính vì vậy, **"Đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế"** được nghiên cứu sinh chọn làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đến nay, đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng và đề cập ở những góc độ và phạm vi khác nhau, tác giả nghiên cứu về đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là công trình nghiên cứu không bị trùng lặp với các công trình khoa học đã được công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

* *Mục đích của luận án:* Trên cơ sở kế thừa các công trình nghiên cứu kết hợp với khảo sát thực tiễn, mục đích của luận án là đi sâu đánh giá thực trạng và đề xuất những giải pháp để hoàn thiện quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

* *Nhiệm vụ của luận án:*

- Nghiên cứu làm rõ những nhận thức lý luận về quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với nông nghiệp Việt Nam trong quá trình đổi mới của đất nước.

- Luận án đưa ra một số quan điểm cơ bản và các giải pháp đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trước yêu cầu hội nhập.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp (theo nghĩa hẹp bao gồm trồng trọt và chăn nuôi).

Đề tài không tập trung phân tích các yếu tố tác động đến sự phát triển nông nghiệp mà chủ yếu phân tích, đánh giá hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành nông nghiệp và từ đó đưa ra kiến nghị và những giải pháp đổi mới hoạt động quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Về thời gian nghiên cứu, lấy mốc từ năm 1986 đến nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin,

quan điểm của Đảng ta thể hiện trong các nghị quyết về đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp đồng thời sử dụng phương pháp phân tích nguyên lý hệ thống, lý thuyết khoa học quản lý kinh tế, khoa học hành chính, phương pháp phân tích thống kê, phân tích hoạt động kinh tế, kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và tổng kết thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn để rút ra kết luận đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập.

6. Những đóng góp của luận án

- Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đi trước, luận án góp phần làm rõ những nhận thức lý luận về quản lý nhà nước đối với nông nghiệp và nêu lên sự cần thiết đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Làm rõ sự cần thiết khách quan phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng, bền vững gắn với thị trường là cơ sở thực hiện mục tiêu nâng cao mức sống của cư dân nông nghiệp, trong đó vai trò quản lý nhà nước đối với nông nghiệp có ý nghĩa quyết định.

- Trên cơ sở phân tích thực trạng quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, luận án chỉ ra những hạn chế của nó trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là góp phần làm rõ nguyên nhân của những hạn chế đó để có những giải pháp khắc phục.

- Dự báo những cơ hội và thách thức khi gia nhập WTO của ngành nông nghiệp Việt Nam, nêu lên những quan điểm cơ bản và một số giải pháp chủ yếu mà nhà nước cần thực hiện đối với nông nghiệp Việt Nam trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Luận án có ý nghĩa thực tiễn là tài liệu tham khảo cho các nhà hoạch định chính sách, cũng như đối với người làm công tác nghiên cứu và giảng dạy trong lĩnh vực này.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, luận án được trình bày trong 3 chương, 9 tiết, 16 bảng số liệu, danh mục tài liệu tham khảo và 1 phụ lục.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬN ÁN

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1.1. Yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

1.1.1. Khái niệm quản lý, quản lý nhà nước và quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm quản lý

Quản lý là sự tác động có chủ đích, có tổ chức của chủ thể quản lý lên đối tượng bị quản lý và khách thể của quản lý nhằm sử dụng có hiệu quả nhất các tiềm năng, các cơ hội của hệ thống để đạt được mục tiêu đặt ra trong điều kiện biến động của môi trường.

1.1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước của các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhằm thực hiện các chức năng đối nội và đối ngoại của nhà nước trên cơ sở các quy luật phát triển xã hội, nhằm mục đích ổn định và phát triển đất nước.

1.1.1.3. Khái niệm quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

Quản lý nhà nước đối với nông nghiệp là hoạt động sắp xếp tổ chức, chỉ huy, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra... của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương tới địa phương đối với lĩnh vực nông nghiệp trên cơ sở nhận thức vai trò, vị trí và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, chuyên môn của ngành nông nghiệp để khai thác và sử dụng các nguồn lực trong và ngoài nước, nhằm đạt được mục tiêu xác định với hiệu quả cao nhất.

1.1.2. Sự cần thiết quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

Thứ nhất, xuất phát từ vai trò của nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Thứ hai, nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn là những vấn đề kinh tế - xã hội rất nhạy cảm mà bất kỳ nhà nước nào cũng phải quan tâm đặc biệt và thường xuyên.

Thứ ba, vấn đề thiếu đất sản xuất, lao động nông nghiệp đói thừa, nông dân nghèo đói, rủi ro trong nông nghiệp thường xuyên xảy ra, vấn đề bảo hộ nông nghiệp trong quá trình hội nhập v.v... chỉ có nhà nước mới có đủ sức mạnh để giải quyết.

Thứ tư, để không ngừng cải thiện đời sống của hàng chục triệu cư dân nông nghiệp ở nông thôn và thực hiện mục tiêu công bằng xã hội, thông qua chức năng điều tiết thu nhập. Đây là vấn đề mang tính chính trị - xã hội.

Thứ năm, nông nghiệp sử dụng tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt quan trọng thuộc sở hữu nhà nước như tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng, tài nguyên nước... nên nhà nước phải biến nó thành công cụ quan trọng giúp nhà nước điều tiết theo định hướng nhất định trong từng giai đoạn.

Thứ sáu, một trong những đặc điểm của sản xuất kinh doanh nông nghiệp là mức độ rủi ro rất lớn. Vì vậy, các chủ thể kinh doanh nông nghiệp, nhất là nông dân sản xuất nhỏ cần phải được bảo hiểm trong sản xuất và trên thị trường.

Thứ bảy, cung cấp dịch vụ thông tin trong nền kinh tế thị trường với xu thế hội nhập quốc tế, nhà nước phải có trách nhiệm cung cấp thông tin về sản xuất, giá cả thị trường các yếu tố sản xuất, nông sản...

1.1.3. Mục tiêu quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

Thứ nhất, nâng cao vai trò của nông nghiệp đối với sự nghiệp phát triển nền kinh tế, gắn liền quá trình chuyển dịch các yếu tố sản xuất ra ngoài khu vực nông nghiệp với sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế.

Thứ hai, tăng năng suất và sản lượng nông nghiệp đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội đối với nông sản.

Thứ ba, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, từng bước đa dạng hóa sản xuất và xuất khẩu nông sản.

Thứ tư, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống nông dân.

Thứ năm, phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên cơ sở phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để tạo ra nhiều nông sản có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước, đem lại lợi ích cho đất nước.

1.1.4. Các chức năng cơ bản của quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

Một là, tạo lập môi trường và các điều kiện thuận lợi cho các chủ thể kinh tế trong nông nghiệp được tự do, bình đẳng trong hoạt động kinh doanh nhằm khai thác có hiệu quả các nguồn lực.

Hai là, định hướng và hướng dẫn các chủ thể kinh tế tham gia đầu tư, phát triển nông nghiệp theo cơ chế thị trường.

Ba là, tổ chức hệ thống các đơn vị sản xuất nông nghiệp hình thành, tồn tại và phát triển.

Bốn là, nhà nước vừa phải tuân thủ và vận dụng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, vừa sử dụng có hiệu quả hệ thống công cụ kinh tế vĩ mô để điều tiết làm cho nền nông nghiệp phát triển theo định hướng của nhà nước.

Năm là, nhà nước thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của các chủ thể kinh doanh nông nghiệp.

1.1.5. Nội dung quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

Một là, xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn (5 năm, 10 năm và 20 năm) và các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp.

Hai là, xây dựng và ban hành luật, pháp lệnh và các quy phạm pháp luật về nông nghiệp làm cơ sở pháp lý cho các chủ thể kinh tế đầu tư kinh doanh nông nghiệp.

Ba là, nhà nước hoạch định, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp.

Bốn là, nhà nước kiểm soát hoạt động khai thác và sử dụng các nguồn lực vào sản xuất nông nghiệp, nhằm bảo vệ tài nguyên môi trường phát triển bền vững.

Năm là, nhà nước thống nhất quản lý việc xây dựng chương trình, kế hoạch, đề tài nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp.

Sáu là, nhà nước ban hành và thực hiện hệ thống chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp (chính sách đất đai, tài chính, thị trường, bảo hộ nông nghiệp, khoa học công nghệ và chính sách đào tạo nguồn nhân lực...) trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế; sửa đổi, bổ sung những chính sách hiện hành cho phù hợp với những cam kết trong các hiệp định song phương và đa phương mà Việt Nam đã ký kết.

Bảy là, tổ chức bộ máy, tuyển dụng, đào tạo, bố trí và sử dụng đội ngũ công chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược đào tạo lực lượng lao động nông nghiệp đáp ứng yêu cầu của hội nhập.

Tám là, nhà nước thống nhất quản lý về xây dựng và phát triển kinh tế hộ nông dân, kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp và doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước; quản lý công tác khuyến nông...

Chín là, nhà nước ký kết các văn bản pháp lý về nông nghiệp với nước ngoài, với các tổ chức quốc tế và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác kinh tế quốc tế, thúc đẩy phát triển nông nghiệp.

1.1.6. Yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

1.1.6.1. Mục tiêu, nội dung và những nguyên tắc cơ bản đặt ra trong quá trình hội nhập

Mục tiêu của hội nhập: Nhằm mở rộng thị trường, tranh thủ thêm vốn, công nghệ, kiến thức quản lý, phát triển nguồn nhân lực, khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, đẩy nhanh hiện đại hoá đất nước, thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nội dung chủ yếu của quá trình hội nhập gồm:

- Ký kết và tham gia các định chế và tổ chức cùng các thành viên đàm phán xây dựng các quy định chung và thực hiện các quy định, cam kết đối với thành viên của các định chế, tổ chức đó.

- Tiến hành các công việc cần thiết ở trong nước để đảm bảo đạt được các mục tiêu của quá trình hội nhập cũng như thực hiện các quy định cam kết quốc tế về hội nhập (điều chỉnh chính sách, cơ cấu kinh tế, đào tạo nguồn nhân lực, thực hiện các cải cách trong nước...).

Những nguyên tắc cơ bản đặt ra trong quá trình hội nhập:

- Nguyên tắc thương mại không phân biệt đối xử;
- Nguyên tắc thương mại phải ngày càng được tự do hơn thông qua đàm phán;
- Nguyên tắc dễ dự báo, dự đoán;
- Nguyên tắc tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng;
- Nguyên tắc dành cho các thành viên đang phát triển một số ưu đãi;

1.1.6.2. Tự do hóa thương mại khu vực ASEAN, ASEAN - Trung Quốc, cơ hội và thách thức cho thị trường tiêu thụ nông sản Việt Nam

Luận án trình bày những cơ hội và những thách thức đối với nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng, nhất là đối với thị trường tiêu thụ nông sản Việt Nam khi tham gia hội nhập AFTA, FTA.

1.1.6.3. Cam kết WTO của Việt Nam

- *Mở cửa thị trường.* Mức cam kết cắt giảm thuế nông sản là 10,6% (nếu tính theo thuế ngoài hạn ngạch) và 20% so với mức MFN hiện hành (từ 24,5% xuống còn xấp xỉ 20%, tính theo mức thuế trong hạn ngạch của những mặt hàng áp dụng TRQ).

- *Hỗ trợ trong nước.* Hộp màu xanh, chương trình phát triển: được tự do áp dụng; Hộp màu hổ phách: áp dụng mức tối thiểu là 10% giá trị sản lượng nông nghiệp; Thực thi các chính sách theo đúng quy định của WTO.

- *Trợ cấp xuất khẩu.* Cam kết bỏ trợ cấp xuất khẩu ngay khi gia nhập; Bảo lưu quyền được hưởng S&D trong trợ cấp xuất khẩu;

Tóm lại, hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế của thời đại, những vấn đề đặt ra đối với ngành nông nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là những yêu cầu tất yếu khách quan, đòi hỏi nhà nước phải tiến hành thực hiện đồng bộ các nội dung chủ yếu của quá trình hội nhập.

1.1.6.4. Khái quát nội dung của Hiệp định Nông nghiệp

- *Tiếp cận thị trường*: Cắt giảm thuế quan và loại bỏ hàng rào phi thuế quan; Nguyên tắc chỉ bảo hộ bằng thuế; Biện pháp phi thuế chuyển sang thuế (thuế hoá);

- *Hỗ trợ trong nước*: Là các khoản hỗ trợ chung cho nông nghiệp, cho sản phẩm hoặc vùng cụ thể, không tính đến yếu tố xuất khẩu.

1.2. Vai trò, đặc điểm của nông nghiệp và những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước

1.2.1. Vai trò của nông nghiệp trong sự phát triển kinh tế - xã hội

Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học, luận án đã phân tích vai trò, đặc điểm của nông nghiệp và nêu rõ những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Theo nghĩa hẹp, ngành nông nghiệp bao gồm hai lĩnh vực: trồng trọt và chăn nuôi. Theo nghĩa rộng, ngành nông nghiệp bao gồm ba lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp.

Vai trò của nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thể hiện:

Thứ nhất, nông nghiệp cung cấp lương thực, thực phẩm cho sự tồn tại và phát triển của con người, cho đến nay chưa có ngành nào có thể thay thế được.

Thứ hai, nông nghiệp là ngành cung cấp nguồn đầu vào cho các lĩnh vực khác.

Thứ ba, nông nghiệp là thị trường có nhiều tiềm năng để tiêu thụ hàng công nghiệp, dịch vụ.

Thứ tư, nông nghiệp là nguồn cung cấp ngoại tệ nhờ xuất khẩu nông sản và tiết kiệm ngoại tệ thông qua sản xuất thay thế hàng nhập khẩu.

Thứ năm, nông nghiệp có vai trò góp phần giải quyết các vấn đề xã hội.

Thứ sáu, nông nghiệp có vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái.

1.2.2. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp và những vấn đề đặt ra đối với quản lý nhà nước

Hiện nay, các công trình nghiên cứu đã khẳng định nông nghiệp có những đặc điểm cơ bản sau:

1.2.2.1. Trong nông nghiệp đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt

Đất đai vừa là tư liệu lao động, vừa là đối tượng lao động, đất đai là yếu tố của môi trường. Đất đai nếu được khai thác và sử dụng hợp lý thì độ phì nhiêu không ngừng tăng lên.

1.2.2.2. Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là sinh vật

Mục đích của sản xuất nông nghiệp là thu được số lượng, chất lượng sản phẩm theo yêu cầu thông qua sự phát triển của cây trồng, vật nuôi, nhưng sản xuất nông nghiệp phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên.

1.2.2.3. Sản xuất nông nghiệp có tính thời vụ cao trong việc sử dụng lao động, vốn và các nguồn lực khác

Trong nông nghiệp quá trình tái sản xuất kinh tế liên quan chặt chẽ với quá trình tái sản xuất tự nhiên, thời gian lao động không ăn khớp với thời gian sản xuất, tạo ra trong sản xuất nông nghiệp tính thời vụ.

1.2.2.4. Sản xuất nông nghiệp được tiến hành chủ yếu trên địa bàn nông thôn

Nông nghiệp là ngành kinh tế sử dụng diện tích đất đai lớn nhất so với các ngành phi nông nghiệp (ở Việt Nam đất nông nghiệp chiếm 27,9% tổng diện tích tự nhiên), sản xuất nông nghiệp chủ yếu trên địa bàn nông thôn - khu vực dân cư tập trung chủ yếu làm nghề nông, là khu vực có hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển chậm, mức sống của dân cư thấp hơn nhiều lần so với đô thị. Do đó, vấn đề đặt ra đối với nhà nước là phải không ngừng tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn.

1.2.2.5. Chủ thể chính trong sản xuất nông nghiệp là nông dân

Ở Việt Nam hiện nay, hầu hết nông dân chưa qua đào tạo nghề, họ không chỉ thiếu vốn cho sản xuất mà còn thiếu kiến thức về khoa học nông nghiệp, thiếu kiến thức về kinh tế thị trường, thiếu kiến thức về hợp tác,

liên kết kinh tế trong điều kiện hội nhập. Do đó, vấn đề đặt ra đối với nhà nước là đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ lành nghề cho lao động nông nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

1.2.2.6. Một số đặc điểm của nông nghiệp Việt Nam

- Nông nghiệp Việt Nam sản xuất lương thực chủ yếu là cây lúa nước.
- Nông nghiệp Việt Nam đang chuyển từ nền nông nghiệp sản xuất nhỏ, lạc hậu, phân tán, tự cấp tự túc sang nền nông nghiệp hàng hoá lớn tập trung trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.
- Việt Nam ở khu vực nhiệt đới gió mùa (8 - 23⁰ vĩ độ bắc; 102 - 108⁰ kinh độ đông), có quần thể động thực vật rất phong phú, có tiềm năng lớn phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

1.3. Kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với nông nghiệp của một số nước trên thế giới

Nội dung tiết 1.3 của luận án nêu kinh nghiệm quản lý nhà nước đối với nông nghiệp của các nước: Thái Lan, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Trung Quốc; từ đó rút ra bài học kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với nông nghiệp của các nước đã thành công hoặc chưa thành công trong hoạch định và thực thi các chính sách phát triển nông nghiệp, có thể rút ra một số bài học về hoạt động quản lý nhà nước đối với nông nghiệp Việt Nam:

- Vì nông dân, bắt đầu từ nông dân - chủ thể chính trong sản xuất nông nghiệp.
- Hỗ trợ, nâng đỡ cần thiết, đặc biệt trong giai đoạn đầu bước vào lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, khi nông nghiệp và nông dân còn yếu kém.
- Tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.
- Coi trọng và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển trang trại hộ gia đình.
- Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho phát triển nông nghiệp.
- Nhà nước đầu tư nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.
- Tổ chức bộ máy thực hiện các chương trình khuyến nông. Đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ lành nghề cho lao động nông nghiệp.

- Ban hành và thực thi chính sách bảo hộ hợp lý nông nghiệp trong quá trình hội nhập, gắn với tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân.

- Xây dựng chiến lược phát triển nông nghiệp trên cơ sở khai thác các nguồn lực, chủ động trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

- Điều chỉnh chính sách theo hướng tự do hoá thương mại và mở cửa, tạo điều kiện để trao đổi hàng hoá, dịch vụ, đầu tư và luân chuyển vốn, lao động, khoa học công nghệ... giữa các quốc gia ngày càng thông thoáng hơn.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP TRONG NHỮNG NĂM ĐỔI MỚI

2.1. Khái quát quá trình phát triển nông nghiệp trong những năm đổi mới

Nội dung tiết 2.1 của luận án trình bày những kết quả đạt được, những khó khăn hiện nay của ngành nông nghiệp trong điều kiện hội nhập mà nhà nước cần giải quyết và nguyên nhân của những khó khăn hiện nay.

Trong 20 mười năm đổi mới (1986 - 2005), nhà nước đã có nhiều chính sách kinh tế để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định. Khái quát quá trình phát triển nông nghiệp sau 20 năm đổi mới có thể chia làm ba thời kỳ chủ yếu:

Thời kỳ 1986 - 1990, kế hoạch 5 năm 1986 - 1990 (vượt qua đói kém); thời kỳ 1991 - 1995, giai đoạn phát triển sản xuất hàng hóa theo chiều rộng, định hướng xuất khẩu; thời kỳ từ 1996 - 2005, bắt đầu phát triển theo chiều sâu.

Những khó khăn hiện nay của ngành nông nghiệp trong điều kiện hội nhập mà nhà nước cần giải quyết:

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch chậm và bất hợp lý; tình trạng manh mún đất nông nghiệp; nông nghiệp chủ yếu tăng trưởng theo chiều rộng; chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của nhiều loại nông sản còn thấp; nông nghiệp tăng trưởng chưa bền vững; thu nhập của người

làm nông nghiệp còn thấp, chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm dân cư nông thôn; giữa nông thôn với thành thị gia tăng cao, khả năng tích lũy thấp; lao động nông nghiệp dư thừa nhiều...

Một số khó khăn hiện nay trong nông nghiệp do rất nhiều nguyên nhân gây nên, luận án chỉ nêu những nguyên nhân cơ bản thuộc về quản lý nhà nước:

- * Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp diễn ra trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, điểm xuất phát thấp, nguồn lực của Nhà nước và của nhân dân hạn chế. Nhiệm vụ trước mắt của nông nghiệp là phải sản xuất đủ lương thực cho nhân dân, xoá đói giảm nghèo, góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng.

- * Quá trình nhận thức và đổi mới tư duy quản lý nhà nước về kinh tế trong nông nghiệp diễn ra chậm trễ, thiếu kiên quyết và thiếu sáng tạo.

- * Một số vấn đề phải trải qua nhiều thử nghiệm, đôi khi có sự giằng co giữa cái mới và cái cũ. Nổi bật là quá trình đổi mới chính sách về đất đai, đến nay đã gần 20 năm vẫn còn nhiều vấn đề còn phải tiếp tục sửa đổi.

- * Tư tưởng đổi mới chậm được thể chế hoá thành chính sách và pháp luật; quá trình triển khai thực hiện vừa chậm, vừa thiếu đồng bộ.

- * Tình trạng luật được ban hành nhưng nghị định và các văn bản hướng dẫn thực hiện luật chậm được xây dựng và ban hành vẫn còn phổ biến. Mặt khác, hoàn cảnh từng giai đoạn thay đổi nhiều, đặt ra yêu cầu phải điều chỉnh, bổ sung chính sách cho phù hợp nhưng chậm được thực hiện. Những chính sách lỗi thời chậm được điều chỉnh có thể trở thành lực cản, làm chậm tốc độ phát triển kinh tế nông nghiệp.

- * Nguồn tài chính dành cho nông nghiệp chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra.

- * Mặt khác, chính sách kinh tế hiện nay chưa khuyến khích mạnh đầu tư tư nhân trong và ngoài nước vào lĩnh vực nông nghiệp.

Những yếu kém của bộ máy quản lý nhà nước và công tác cán bộ chậm được khắc phục, chưa thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, chưa hoạch định và tổ chức thực hiện kịp thời hệ thống chính sách, pháp luật về nông nghiệp phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong những năm đổi mới

Nội dung tiết 2.2 của luận án trình bày việc xác định chiến lược phát triển nông nghiệp trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ. Quá trình tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp thời kỳ 1986 - 2005; những chính sách cơ bản về phát triển nông nghiệp trong những năm đổi mới; chính sách đất đai và những tác động của nó đối với nông nghiệp; quá trình đổi mới chính sách đầu tư trong nông nghiệp; quá trình đổi mới chính sách tín dụng; đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp; đổi mới chính sách quản lý các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước; đổi mới chính sách quản lý thị trường tiêu thụ nông sản trong quá trình hội nhập v.v...

Những điểm không phù hợp của chính sách bảo hộ nông nghiệp của Việt Nam với WTO:

- * Nhóm chính sách "hộp màu hổ phách" thường mang tính giải quyết tình thế, chưa được xây dựng thành kế hoạch, chương trình để chủ động thực hiện.

- * Mặt hàng, số lượng hàng được hưởng trợ cấp tùy thuộc vào tình hình thực tế (không đảm bảo tính minh bạch).

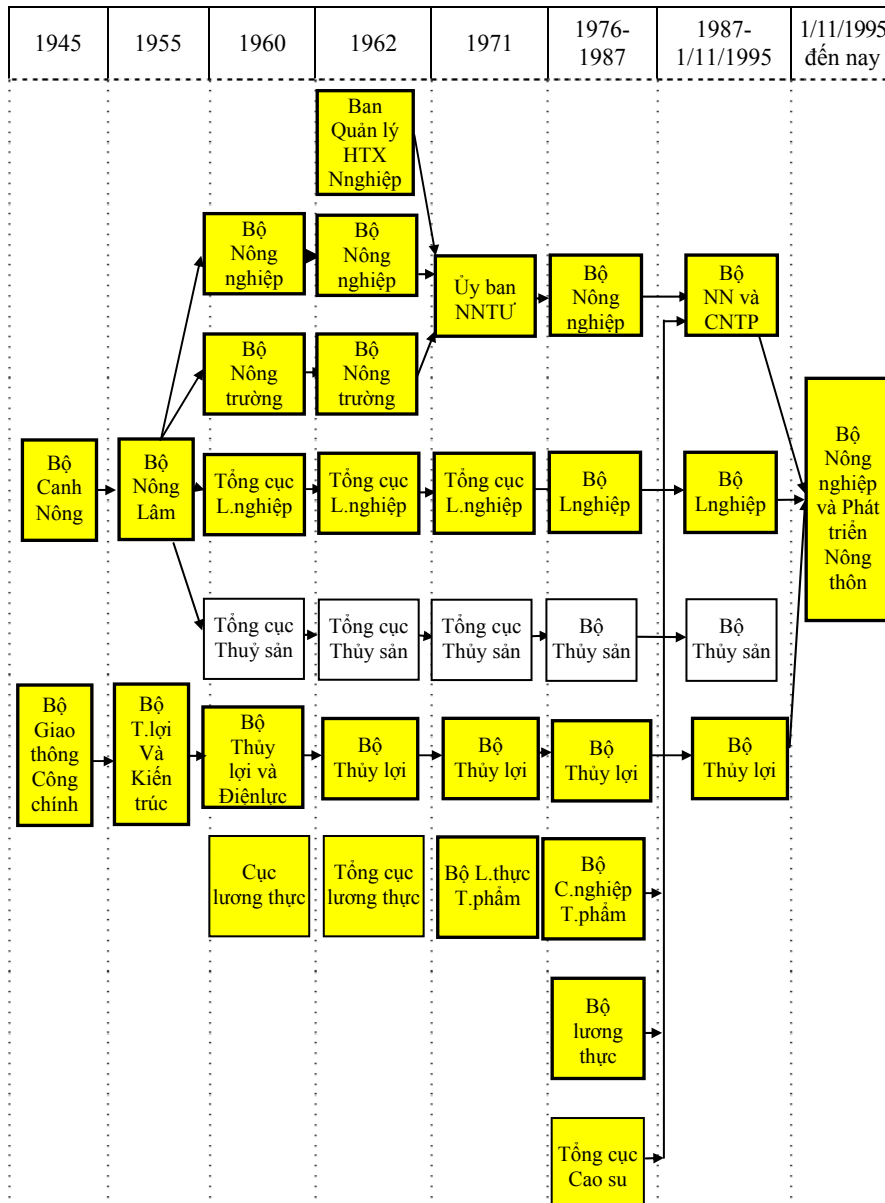
- * Đối tượng được hưởng trợ cấp chủ yếu là doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhà nước.

- * Chưa xây dựng được các tiêu chí để tạo sự bình đẳng giữa các đối tượng.

- * Mức độ hỗ trợ trực tiếp cho nông dân (người sản xuất), nhất là dân nghèo, vùng khó khăn còn rất thấp.

- * Chưa áp dụng hết các chính sách được tự do áp dụng như trong quy định của WTO.

Tổng quan diễn biến tổ chức đến khi thành lập
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (1945 - 1995)



2.3. Những yếu kém trong quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

Những thiếu sót về mặt chính sách và yếu kém trong một số hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước các cấp:

1. Một số chính sách như chính sách đầu tư, đất đai, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, cho vay vốn đối với các trang trại còn nhiều nội dung chưa phù hợp.

2. Còn nhiều biểu hiện hành chính, quan liêu giản đơn hoá trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch như: chương trình mía đường, chương trình bò sữa, chương trình phát triển cây cao su ở một số tỉnh phía Bắc...

3. Một số cơ quan quản lý nhà nước chưa thực thi chức năng nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật, một bộ phận cán bộ công chức lạm dụng chức vụ vi phạm pháp luật và các chính sách đất đai diễn ra ở nhiều địa phương.

4. Khả năng chiếm lĩnh thị trường, trình độ khoa học, công nghệ, trình độ cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp nhất là hệ thống thủy lợi và giao thông vận tải, cũng như năng lực của các chủ thể kinh doanh nông nghiệp ở Việt Nam còn ở mức thấp và trong thời gian tới khó có khả năng thay đổi đột biến vì khó khăn về vốn đầu tư, thậm chí, việc nâng cao trình độ kinh doanh của hộ nông dân dù đầu tư nhiều tiền cũng không thể thực hiện trong một vài năm tới.

5. Hệ thống luật pháp, chính sách của Việt Nam nói chung và quản lý nhà nước về nông nghiệp nói riêng không đồng bộ và kém hiệu lực, chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

3.1. Dự báo xu hướng phát triển nông nghiệp Việt Nam đến năm 2020 trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

Trên cơ sở phân tích những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của nông nghiệp Việt Nam, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, có thể dự báo một số xu hướng chủ yếu của phát triển nông nghiệp Việt Nam đến năm 2020 như sau:

- Nông nghiệp sẽ tiếp tục chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá trên cơ sở nhu cầu thị trường và phát huy lợi thế so sánh của nông sản hàng hoá.

- Khoảng cách về chất lượng và chi phí sản xuất một số nông sản so với một số nước trong khu vực và thế giới sẽ giảm xuống.

- Gia tăng sự liên kết theo nhóm sản phẩm giữa các chủ thể kinh doanh ở toàn bộ các khâu liên quan đến tạo ra sản phẩm nông nghiệp hàng hoá.

- Rút ngắn khoảng cách giữa kinh nghiệm quốc tế, các kết quả nghiên cứu với việc áp dụng vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp.

- Lao động nông nghiệp sẽ được nâng cao trình độ về khoa học công nghệ và kiến thức kinh doanh, kiến thức về hợp tác và liên kết kinh tế.

- Một số ngành được bảo hộ cao hoặc lâu nay kinh doanh hiệu quả thấp sẽ bị giảm quy mô. Do đó, sẽ làm phá sản một số đơn vị kinh doanh nông nghiệp.

- Hình thành nhiều hình thức liên kết để bảo vệ quyền lợi của những người kinh doanh nông nghiệp (hiệp hội, hợp tác xã v.v...).

- Những ngành nghề sản phẩm có khả năng cạnh tranh sẽ được mở rộng.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp sẽ chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ của các ngành phi lương thực.

- Giá trị thu nhập trên đơn vị đất nông nghiệp sẽ tăng lên do sản xuất theo nhu cầu thị trường và áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Tuy vậy, tốc độ tăng của giá trị/đơn vị đất nông nghiệp có thể tăng nhanh hơn tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp bởi vì khó chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động trong kinh tế nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn.

- Lao động, việc làm, thu nhập và đời sống của đa số nông dân sẽ có những biến đổi sâu sắc do ảnh hưởng của cạnh tranh thương mại quốc tế và sức ép nhiều mặt của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3.2. Những quan điểm cơ bản và mục tiêu đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

3.2.1. Những quan điểm cơ bản về đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

Đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập cần nắm vững những quan điểm cơ bản sau:

- Đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp phải trên cơ sở nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp phải trên cơ sở kế thừa và phát triển những thành tựu của 20 năm đổi mới và áp dụng có chọn lọc những kinh nghiệm quản lý của các nước tiên tiến, phù hợp với điều kiện Việt Nam

- Coi trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp là nội dung chủ yếu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta, là cơ sở để ổn định tình hình kinh tế, chính trị xã hội của đất nước.

- Tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ để nâng cao năng lực của kinh tế hộ nông dân, đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư thuộc nhiều thành phần kinh tế đầu tư phát triển nông nghiệp theo đúng pháp luật.

- Đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp phải đảm bảo thực hiện hài hòa giữa các lợi ích, bảo vệ lợi ích chính đáng của người nông dân.

3.2.2. Mục tiêu đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế

- Thực hiện quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả cao đối với nông nghiệp, từng bước nâng cao đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững.

- Hoàn thiện thể chế tổ chức hệ thống bộ máy quản lý nhà nước đối với nông nghiệp từ trung ương đến địa phương.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức quản lý quá trình thực hiện hệ thống chính sách, pháp luật về nông nghiệp phù hợp với kinh tế thị trường và những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết trong quá trình hội nhập.

- Bảo hộ hợp lý nền nông nghiệp hàng hoá trong quá trình hội nhập.

- Hoàn thiện thể chế kinh tế nông nghiệp hàng hoá nhiều thành phần đang trong quá trình hội nhập, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tăng cường năng lực quản lý của chính quyền các cấp trên cơ sở đào tạo, tuyển chọn, bố trí và sử dụng đội ngũ công chức có phẩm chất có năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

3.3. Giải pháp đổi mới quản lý nhà nước đối với nông nghiệp đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

3.3.1. Đổi mới kế hoạch hóa phát triển nông nghiệp

3.3.1.1 Đổi mới về xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp

Tác giả luận án kiến nghị Nhà nước phải bổ sung ngay việc hoạch định chiến lược phát triển nông nghiệp do ảnh hưởng của những cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực nông nghiệp, khi trở thành thành viên của WTO.

3.3.1.2. Điều chỉnh quy hoạch phát triển nông nghiệp theo hướng phát huy lợi thế so sánh gắn với thị trường

a) Cụ thể hoá quy hoạch phát triển nông nghiệp cho từng loại sản phẩm nông nghiệp cho từng địa phương, tạo ra sự kết hợp giữa quy hoạch ngành và lãnh thổ.

b) Theo dõi, nghiên cứu những biến đổi thị trường nông sản trong và ngoài nước trong quá trình hội nhập, những thành tựu khoa học công nghệ v.v... để kịp thời bổ sung, điều chỉnh quy hoạch.

c) Chỉ đạo việc thực hiện Pháp lệnh quy hoạch để tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, ban hành, điều chỉnh và quản lý thực hiện quy hoạch phát triển nông nghiệp.

3.3.1.3. Đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch 5 năm và hàng năm trong ngành nông nghiệp

- Nâng cao năng lực của chính quyền địa phương để đổi mới quy trình xây dựng kế hoạch và quản lý thực hiện kế hoạch có hiệu quả thiết thực.

- Tăng cường khả năng thực hiện kế hoạch bằng cách tập trung ưu tiên cho khâu trọng yếu, khó khăn của các đơn vị nông nghiệp, đi sâu giải quyết những vấn đề kinh tế, tránh phong cách chỉ đạo theo phong trào một cách ồ ạt, hình thức.

3.3.2. Hoàn thiện hệ thống chính sách nông nghiệp

- Hoàn thiện chính sách đất đai.

- Chính sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp.

- Chính sách tạo vốn tín dụng cho sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện cho vay vốn trực tiếp đến hộ sản xuất, đảm bảo nguyên tắc thỏa mãn nhu cầu vốn vay, bảo toàn và phát triển vốn, sử dụng vốn có hiệu quả kinh tế - xã hội.

- *Chính sách thị trường, giá cả, tỷ giá, xuất nhập khẩu*

Quản triệt quan điểm phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá theo quy luật cung - cầu, đáp ứng yêu cầu và thị hiếu của thị trường. Từ đó, chính sách thị trường thúc đẩy tự do hóa lưu thông vật tư, hàng hóa nông sản.

- *Chính sách kho học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp*

3.3.3. Một số giải pháp bảo hộ hợp lý nông nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Nhà nước xây dựng và thực thi chính sách bảo hộ, đặc biệt là bảo hộ nông nghiệp vẫn được duy trì trong quá trình hội nhập.

3.3.4. Nâng cao khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam

Khả năng cạnh tranh của hàng nông sản cụ thể trên thị trường thường thể hiện về chất lượng, chủng loại, giá cả cũng như uy tín của thương hiệu. Năng lực cạnh tranh của sản phẩm phụ thuộc vào năng lực cạnh tranh của ngành, của tổng thể nền kinh tế.

3.3.5. Đổi mới quản lý nhà nước đối với thị trường tiêu thụ nông sản Việt Nam trong quá trình hội nhập

3.3.5.1. Tiếp tục cải tiến chính sách giá nông sản, nâng cao vai trò điều tiết giá của nhà nước phù hợp với sự biến động của giá cả trên thị trường

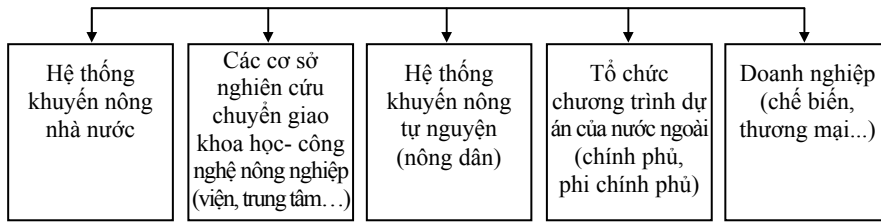
3.3.5.2. Tăng cường sự hỗ trợ vốn của nhà nước để đảm bảo thu mua nông sản theo thời vụ, hình thành quỹ dự trữ thương mại phù hợp với qui mô và cường độ lưu thông của từng loại nông sản.

3.3.5.3. Chính sách đầu tư cho nông nghiệp, nhất là đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật cho nông thôn

3.3.6. Phát triển khoa học công nghệ để nâng cao năng xuất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của nông sản

Khoa học công nghệ là khâu đột phá trong phát triển nông nghiệp theo yêu cầu hội nhập, nhà nước phải tăng đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Các kênh chuyển giao khoa học công nghệ cho nông nghiệp, nông dân



3.3.7. Đổi mới về tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với nông nghiệp

Nội dung đổi mới tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với nông nghiệp bao gồm:

Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp từ trung ương đến địa phương. Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về thị trường các yếu tố của sản xuất nông nghiệp và thông tin thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước cho các nhà hoạch định chính sách, cán bộ nghiên cứu và cho các chủ thể sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

Xây dựng và thực hiện đề án kiện toàn hệ thống tổ chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới, tăng cường bộ máy và năng lực theo dõi tình hình sản xuất và xuất nhập khẩu nông sản trong nước và trên thế giới để đưa ra các cảnh báo sớm; xây dựng hệ thống khoa học công nghệ nông nghiệp mạnh, đủ khả năng tiếp thu và làm chủ khoa học công nghệ hiện đại của nước ngoài, vừa tạo ra được ngày càng nhiều tiến bộ kỹ thuật có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp. Cùng cố và tăng cường năng lực bộ máy quản lý chuyên ngành vệ sinh và kiểm dịch động, thực vật. Bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp phải có năng lực khuyến nghị Chính phủ tăng cường hỗ trợ cho nông nghiệp qua các nhóm chính sách, chương trình phát triển nông nghiệp. Nhà nước cần phải thành lập Ban nông nghiệp xã, đây là một nhu cầu hết sức cấp thiết. Những cán bộ xã luôn gần dân sẽ giúp nhà nước tổ chức triển khai những nhiệm vụ về nông nghiệp, phát triển nông thôn. Tổ chức này hình thành cũng là nơi để đội ngũ cán bộ trẻ trải qua thực tiễn, đào tạo đội ngũ cán bộ công chức cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Muốn hình thành được phải có cơ chế, chính sách rõ ràng: có chính sách đào tạo, tuyển chọn, ưu tiên lực lượng cán bộ là người dân tại địa phương, nhất là những

vùng đồng bào dân tộc; có cơ chế tài chính, quy định mức thù lao thoả đáng theo các ngạch bậc quy định đối với công chức của nhà nước. Ngoài ra, cũng cần tính tới những dịch vụ có thể cho nguồn thu như kiểm dịch thú y, bảo vệ thực vật... để tăng thu nhập cho cán bộ cơ sở. Khuyến khích trí thức trẻ về nông thôn. Nhà nước hỗ trợ cho người dân nâng cao kiến thức nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn trong xu thế hội nhập.

KẾT LUẬN

Việt Nam là một nước đi lên từ nông nghiệp với xuất phát điểm thấp, gần 76% dân số sống ở nông thôn và 56%/ tổng số lao động xã hội đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, đóng góp của nông nghiệp vào tổng sản phẩm quốc nội tuy giảm dần trong hơn một thập niên gần đây, nhưng giá trị tuyệt đối vẫn không ngừng tăng lên. Nông nghiệp là ngành kinh tế tạo ra tích lũy ban đầu có ý nghĩa rất quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Xuất phát từ vai trò của nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhằm từng bước thực hiện mục tiêu chiến lược của đất nước là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vai trò quản lý nhà nước là nhân tố quyết định thành công trong từng bước tiến đến mục tiêu chiến lược.

Vì vậy, việc hoạch định chiến lược phát triển và hệ thống chính sách nhằm duy trì thường xuyên hoạt động thống nhất quản lý có hiệu lực, hiệu quả cao là mong muốn của bất kỳ nhà nước nào. Cách thức tác động của nhà nước như thế nào là tùy thuộc vào tri thức và kỹ năng quản lý và điều kiện hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước, nhưng nhìn chung là đều nhằm thực hiện các mục tiêu sau:

Thứ nhất, thúc đẩy phát triển nông nghiệp tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế. Vai trò của nông nghiệp đối với sự nghiệp phát triển kinh tế gắn liền với quá trình chuyển dịch các nhân tố sản xuất ra ngoài khu vực nông nghiệp và tự nó đã dẫn đến sự chuyển dịch trong cơ cấu nền kinh tế. Nông nghiệp góp phần chủ yếu thúc đẩy công nghiệp và dịch vụ tăng trưởng nhanh. Quá trình đó tất yếu làm tăng mối quan hệ tác động lẫn nhau, tùy thuộc vào nhau giữa các ngành và các khu vực trong nền kinh tế quốc dân. Hệ thống các chính sách của nhà nước đẩy nhanh quá trình chuyển dịch lao động, tăng sức mua ở khu vực nông nghiệp có tác dụng thúc đẩy luồng giao lưu hàng hoá

giữa nông nghiệp và các ngành khác. Do đó, nó thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mối liên hệ giữa các ngành trong nền kinh tế quốc dân.

Thứ hai, tăng năng suất, chất lượng và sản lượng nông sản đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội đối với sản phẩm nông nghiệp. Sản lượng nông nghiệp có liên quan trực tiếp đến quá trình áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đầu tư thâm canh tăng năng suất trên một đơn vị diện tích gieo trồng và mở rộng diện tích gieo trồng.

Thứ ba, bảo đảm an ninh lương thực, từng bước đa dạng hoá sản xuất và xuất khẩu nông sản. Trong những năm đổi mới, nhà nước đã triển khai mạnh mẽ việc đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp, khai thác lợi thế so sánh của từng vùng và của cả nước về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và quan hệ quốc tế của nước ta nhằm đáp ứng nhu cầu nông sản đang tăng lên ở trong nước và xuất khẩu ra thị trường ngoài nước.

Thứ tư, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống cho nông dân. Một trong các mục tiêu chiến lược quan trọng của hoạt động quản lý nhà nước đối với nông nghiệp là giảm sự nghèo đói của người nông dân. Đại bộ phận những người nghèo đói của đất nước là nông dân, đang sinh sống ở nông thôn. Để nhằm mục tiêu trên, các chương trình quốc gia về tạo việc làm, chương trình phổ cập giáo dục phổ thông, chính sách giao đất giao rừng, chính sách tín dụng cho người nghèo, chính sách giá cả, chính sách bảo hộ hợp lý cho nông nghiệp và can thiệp vào thị trường được nhà nước áp dụng phổ biến để hạn chế thu nhập không hợp lý của thương nhân đối với cả người sản xuất và người tiêu dùng. Ổn định giá nông sản để bảo vệ lợi ích của những người trực tiếp sản xuất nông nghiệp nhằm thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển bền vững được tuyên bố là mục tiêu hàng đầu của Việt Nam.

Thứ năm, bảo hộ hợp lý nông nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thêm nhiều việc làm tăng thu nhập, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, trước hết hãy vì nông dân, bắt đầu từ nông dân.

Chúng ta đang phấn đấu xây dựng Nhà nước pháp quyền - Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân - Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thực sự trở thành trụ cột trong hệ thống chính trị - là bộ máy quyền lực xã hội đặc biệt, trước hết và trên hết vì nông dân, vì những

người nghèo khổ, yếu thế trong xã hội - họ đang sống chủ yếu dựa vào nghề nông và hầu hết trong số họ đang sống ở nông thôn.

Để đạt được mục tiêu phát triển nông nghiệp trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, nhà nước cần phải đổi mới đồng bộ nội dung các chức năng quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, bao gồm:

- Đổi mới việc hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp, gắn với thị trường trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của từng vùng và của cả nước.

- Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các chủ thể kinh doanh nông nghiệp hoạt động. Đồng thời cũng là tạo công cụ quản lý vĩ mô để nhà nước có cơ sở kinh tế, pháp lý nhằm can thiệp vào hoạt động của các chủ thể kinh tế nông nghiệp - đối tượng của quản lý nhà nước về nông nghiệp.

- Nhà nước huy động và sử dụng các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, phát triển khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp trong điều kiện hội nhập.

- Nhà nước chủ động thực hiện phát triển quan hệ hợp tác quốc tế về nông nghiệp, tạo môi trường quan hệ quốc tế thuận lợi cho các chủ thể kinh tế nông nghiệp Việt Nam hợp tác kinh doanh với các đối tác ngoài nước.

- Nhà nước chủ động điều tiết nền kinh tế quốc dân, hỗ trợ đầu tư để tăng cường năng lực kinh doanh cho các chủ thể kinh tế nông nghiệp, nhà nước thực hiện chính sách bảo hộ hợp lý nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp trong điều kiện hội nhập.

- Nhà nước hoạch định và tổ chức thực hiện tốt chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ công chức, những người quản lý doanh nghiệp và lực lượng lao động lành nghề có thể đáp ứng tốt các đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tóm lại, để thực hiện được mục tiêu quản lý nhà nước đối với nông nghiệp trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, đòi hỏi nhà nước phải nhận thức đầy đủ và sâu sắc về vị trí, vai trò và đặc điểm của nông nghiệp, phải đổi mới đồng bộ cả hệ thống thể chế chính sách, pháp luật, cả thể chế tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và đội ngũ công chức, thực hiện đầy đủ các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế nói chung và đối với nông nghiệp nói riêng trong bối cảnh hội nhập.